

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Bắc Giang, tháng 3 năm 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

DỰ THẢO

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Thời gian: Từ 15 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút ngày 15 tháng 4 năm 2022

Địa điểm: Hội trường Công ty, số 6 đường Nguyễn Khắc Nhu, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

TT	Nội dung, Chương trình Đại hội	Thời gian (dự kiến)	Ghi chú
1	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	15h00-15h05	
2	Chào cờ	15h05-15h07	
3	Cổ đông nhận tài liệu, thẻ biểu quyết	15h07-15h10	
4	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, cổ đông và giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội. Biểu quyết thông qua số lượng và nhân sự Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.	15h10-15h15	
5	Biểu quyết thông qua Chương trình, Quy chế tổ chức Đại hội	15h15-15h20	
6	Trình bày báo cáo kết quả thực hiện SXKD năm 2021, Phương hướng nhiệm vụ năm 2022	15h20-15h25	
7	Trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021, Phương hướng nhiệm vụ năm 2022	15h25-15h30	
8	Trình bày Báo cáo về tình hình hoạt động của BKS năm 2021, Phương hướng, nhiệm vụ của BKS năm 2022	15h30-15h35	
9	Báo cáo kết quả kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2021, Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022	15h35-15h40	
10	Đại hội thảo luận	15h40-15h50	
11	Đại biểu Tổng công ty ĐSVN phát biểu ý kiến (nếu có)	15h50-16h10	
12	Lãnh đạo Công ty tiếp thu ý kiến chỉ đạo và đáp từ	16h10-16h15	
13	Biểu quyết thông qua các báo cáo của Ban GD, HĐQT, BKS; Biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội	16h15-16h20	
14	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội	16h20-16h25	
15	Bế mạc Đại hội	16h25-16h30	

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

Dự thảo

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (sau đây gọi tắt là Đại hội) của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

Điều 2: Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Cổ đông và các bên tham gia có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự Đại hội

4.1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng theo danh sách cổ đông lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty chốt ngày 24/02/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp, hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp.
- Giấy Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu.
- Giấy uỷ quyền (trường hợp được uỷ quyền tham dự Đại hội).

(Trường hợp cổ đông là cá nhân thì Giấy uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó và người uỷ quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì Giấy uỷ quyền phải được đóng dấu và ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó).

Sau khi xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông, cổ đông đến dự Đại hội được nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử (ghi mã cổ đông (nếu có) và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó). Giá trị của Thẻ biểu quyết và Phiếu bầu cử mà cổ đông đến dự Đại hội tương ứng với tỷ lệ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc được uỷ quyền theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội.

b. Cổ đông có thể uỷ quyền bằng văn bản cho người nhận uỷ quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào Phiếu câu hỏi rồi chuyển cho Ban thư ký Đại hội.

d. Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

e. Cổ đông tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

g. Cổ đông đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết/bầu cử các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết/bầu cử đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Đoàn Chủ tịch

5.1. Đoàn Chủ tịch gồm Chủ tọa và một số thành viên được bầu ra tại Đại hội.

5.2. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội diễn ra có trật tự, phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo và những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông nhận giấy tờ của cổ đông đến họp để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh

sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt tại thời điểm ngày 24/02/2022; Phát các tài liệu; Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Thư ký Đại hội

7.1. Chủ tọa giới thiệu Ban Thư ký Đại hội và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c. Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

8.1 Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

8.2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a. Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu bầu.
- b. Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
- c. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
- d. Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty chốt ngày 24/02/2022.

Điều 10: Trật tự của Đại hội

10.1. Tất cả các cổ đông đến tham dự Đại hội ăn mặc chỉnh tề.

10.2. Cổ đông khi vào phòng Đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức Đại hội quy định. Tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban tổ chức Đại hội.

10.3. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.

10.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong khi Đại hội diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.

Điều 11: Cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng

THẺ BIỂU QUYẾT theo số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT trong đó ghi: Mã Cổ đông (nếu có); Số cổ phần có quyền biểu quyết/bầu cử (sở hữu/đại diện sở hữu và/hoặc được ủy quyền) của cổ đông.

11.1. **THẺ BIỂU QUYẾT:** được in trên giấy **màu hồng**, dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- a. Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội;
- b. Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội;
- c. Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch Đại hội;
- d. Thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội;
- đ. Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát;
- e. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2022;
- f. Thông qua dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Điều 12: Thông qua Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông

Các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

Chương IV **KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

Điều 13: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

13.1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

13.2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Điều 14: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 4 Chương, 14 (mười bốn) Điều, được đọc công khai trước Đại hội và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Hoàng Đăng Khoa

DỰ THẢO

**BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần đường sắt Hà Lạng

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng, tôi xin báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và xin ý kiến của Đại hội về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, cụ thể như sau:

A. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến chỉ tiêu SXKD:

1. Thuận lợi:

Công ty luôn được sự quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện của Tổng công ty ĐSVN, nắm bắt thông tin tình hình giải quyết cơ chế, thủ tục giao nhiệm vụ, đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt, ngoài ra còn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền địa phương nơi có đường sắt đi qua; Toàn thể NLĐ trong Công ty phần khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, của ban lãnh đạo Công ty, nội bộ ổn định, đoàn kết, thống nhất, qui chế dân chủ được phát huy, đời sống văn hoá tinh thần của NLĐ luôn được quan tâm kịp thời.

Bộ máy tổ chức hoạt động linh hoạt, hiệu quả; sử dụng cán bộ, lao động đúng chuyên môn, đúng năng lực, đúng sức để đảm bảo phát huy tối đa khả năng thực hiện công việc của mỗi cán bộ công nhân viên.

Hồ sơ kinh nghiệm, năng lực của Công ty đã dần được cải thiện, nâng cao; chất lượng thi công công trình đã được nhiều Chủ đầu tư, khách hàng đánh giá cao về chất lượng và tiến độ thực hiện, đã tạo ra năng lực cạnh tranh tham gia các công trình lớn về lĩnh vực đường sắt, đường bộ và dần tạo được niềm tin, uy tín với đối tác, khách hàng.

2. Khó khăn:

Năm 2021 tiếp tục là năm phải chịu sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đối với ngành đường sắt cũng như Công ty gây không ít khó khăn trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra. Nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt còn hạn chế, đặc biệt là không có công trình nào thuộc phạm vi công ty được giao quản lý được triển khai, cũng là một khó

khẩn không nhỏ cho công tác phát triển sản xuất kinh doanh ngoài công ích của Công ty.

Khối lượng quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt lớn, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp với nhiều loại khổ đường, trạng thái công trình đường sắt trong phạm vi quản lý bị xuống cấp, trong khi một số tuyến Công ty đang quản lý có mật độ chạy tàu thấp nên kinh phí đầu tư cho BDTX được cân đối còn chưa đủ để khắc phục được mức độ xuống cấp của trạng thái cầu, đường nên luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu.

Thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, ngay từ đầu năm Công ty đã phải huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn vốn để mua vật tư phục vụ sản xuất và giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, tiền lương cho người lao động trong khi chưa ký được hợp đồng, chưa tạm ứng kinh phí đặt hàng bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS sắt quốc gia.

Trong điều kiện dịch bệnh covid còn đang diễn biến hết sức phức tạp, để thích ứng với tình hình mới, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của toàn thể NLĐ, cùng với sự chỉ đạo của BCH Đảng bộ và Hội đồng quản trị Công ty, sự điều hành của Ban giám đốc, sự quan tâm của các cấp thẩm quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các đơn vị bạn trong và ngoài ngành, Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ do cấp trên giao và hoàn thành tốt các chỉ tiêu SXKD năm 2021 đã đề ra.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

1. Giá trị sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	KH năm 2021 theo NQ ĐHCĐ	Kết quả thực hiện năm 2021		
				Giá trị thực hiện	Tỷ lệ % so với 2020	Tỷ lệ % so với KH
1	Doanh Thu	159.055	188.446	197.318	124,1%	104,7%
	<i>Trong đó:</i>					
	- Sản xuất chính	134.220	138.196	138.196	103,0%	100,0%
	- Sản xuất kinh doanh khác	24.835	50.250	59.122	238,1%	117,7%
2	Chi phí	155.283	184.633	193.217	124,4%	104,6%
3	Lợi nhuận trước thuế	3.772	3.813	4.101	108,7%	107,5%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	3.042	3.050	3.145	103,4%	103,1%
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	18,44%	18,48%	19,06%	103,4%	103,1%
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	11%	11%	11%	100,0%	100,0%

2. Lao động, tiền lương và thu nhập:

Tổng quỹ lương và thu nhập thực hiện năm 2021 là: 78.617.000.000 đồng; mức thu nhập bình quân toàn công ty là: 9.080.000 đồng/người/tháng, tăng 8,2% so với năm 2020.

Thực hiện kế hoạch lao động, tiền lương, thù lao năm 2021 cụ thể như sau:

- Lao động thực tế sử dụng bình quân: 721,5 người (trong đó người quản lý chuyên trách: 7,6 người, người lao động: 713,9 người).

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 72.103.000.000 đồng, mức tiền lương bình quân của người lao động là: 8.416.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách: 2.030.000.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 25.712.000 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 21.089.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ thù lao thực hiện của người quản lý không chuyên trách (kiêm nhiệm) là: 29.000.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 1.000.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền thưởng, phúc lợi thực hiện của người lao động: 503.000.000 đồng.

- Quỹ tiền thưởng thực hiện của người quản lý: Không thực hiện trích quỹ do Công ty không hoàn thành nhiệm vụ năm 2021 do còn để xảy ra 02 vụ tai nạn chạy tàu.

3. Kết quả thực hiện công tác đầu tư:

Danh mục đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thông qua năm 2021:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên công trình, danh mục đầu tư	Tổng mức đầu tư	Giá trị thực hiện	Ghi chú
	Mua sắm thiết bị nâng hạ ray (số lượng 04 bộ)	800	0	Không thực hiện

Theo kế hoạch ban đầu đã được biểu quyết thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng với danh mục dự án đầu tư như trên. Tuy nhiên năm 2021 tiếp tục bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài, nạn dịch bùng phát, diễn biến phức tạp, trên thế giới và ở các địa

phương trong cả nước, các nhà cung cấp không nhập khẩu được thiết bị này, chính vì vậy danh mục đầu tư không thực hiện được.

4. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Công ty đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía bắc là đơn vị đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm theo quy định của Bộ tài chính.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Kiểm toán độc lập lập và phát hành ngày 23/02/2022 bao gồm: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
1	Doanh thu	Tăng 4,7% so với 2021	Tăng 24,1% so với TH 2020	Vượt 19,4% KH
	Trong đó:			
	- <i>Danh thu sản phẩm công ích</i>	<i>Bằng 100% so với 2021</i>	<i>Đạt 103% so với TH 2020</i>	Vượt 3% KH
	- <i>Doanh thu sản phẩm khác</i>	<i>Đạt 117,7% so với 2021</i>	<i>Đạt 238,1% TH 2020</i>	Vượt 120,4% KH
2	Lợi nhuận sau thuế	3.050 tr. đ	3.145 tr. đ	Đạt 103,1% KH
3	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn điều lệ	Đạt 18,48%	Đạt 19,06%	Đạt 103,1% KH
4	Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ	Đạt 11,00%	Đạt 11,00%	Đạt 100% KH
2	Thu nhập BQ người lao động	Tăng 8% so với năm 2020	Tăng 8,2% so với năm 2020	Đạt
6	Tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng	Giữ vững	Giữ vững	Đạt
7	Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	Giảm so với năm 2020	Giảm bình quân 45,02 điểm/km	Đạt
8	Sự cố, tai nạn đặc biệt nghiêm	Không	Không	Đạt

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Đánh giá
	trọng di chủ quan gây ra			
9	Tai nạn ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra	Không quá 02 vụ	Xảy ra 02 vụ trong 6 tháng	Không đạt

Về việc thực hiện Nghị quyết, Quyết định và các định hướng chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN: Công ty thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các nội dung chỉ đạo của Tổng công ty ĐSVN có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác chính trị, tư tưởng của CBCNV.

Về tài chính: Công ty luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước. Thực hiện kê khai và quyết toán thuế với cơ quan thuế theo đúng quy định của Luật quản lý thuế. Thanh toán các khoản nợ kịp thời theo cam kết, không có nợ xấu.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: Người lao động của Công ty được trả tiền lương, tiền công kịp thời, đúng, đủ theo quy định; thực hiện đúng chế độ chính sách cho người lao động như thăm hỏi, trợ cấp xã hội, thăm quan, học tập nghỉ mát, thực hiện đúng qui chế dân chủ, giải quyết kịp thời các kiến nghị, đơn thư khiếu nại theo thẩm quyền và các chế độ khác đúng qui định;

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Công ty được đầu tư đúng mục đích sử dụng, thực hiện đúng với các quy định của Nhà nước hiện hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công bố thông tin: Tiến hành thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ theo yêu cầu của UBCK Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quy định khi tham gia thị trường chứng khoán.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Thường xuyên tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được nâng cao, về trụ sở làm việc, cơ sở vật chất và các trang thiết bị được đầu tư, nâng cấp, cải tạo sửa chữa đảm bảo nhu cầu thiết yếu, tạo môi trường làm việc tốt cho người lao động. Các công trình Công ty thực hiện trong thời gian qua được các khách hàng đánh giá cao về tiến độ và chất lượng thi công.

Tồn tại: Bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn những tồn tại sau:

Năng lực máy móc thiết bị thi công vẫn còn hạn chế, đặc biệt là lĩnh vực thi công công trình cầu cống, đường bộ, một số máy móc, thiết bị chủ yếu phải thuê ngoài, thiếu chủ động, dẫn đến làm tăng giá thành sản phẩm.

Công tác chấp hành quy trình quy phạm của số ít CBCNV chưa cao, công tác giám sát, tham mưu về kỹ thuật chưa cập nhật tiêu chuẩn TCCS

02:2014/VNRA nên một số thông số kỹ thuật đường cong chưa được chỉnh lý phù hợp. Vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 2021 đã để xảy ra sự cố tai nạn chạy tàu, cản trở giao thông đường sắt 02 vụ do chủ quan (trật bánh tại đường cong bán kính nhỏ Km102+900 khu gian Sông Hóa – Chi Lăng và tại Km 81+122 đến Km 81+152, phía Nam ga Phố Vĩ khu gian Voi Xô – Phố Vĩ).

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022:

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2022.

Năm 2022 sẽ tiếp tục là năm phải chịu sự ảnh hưởng của đại dịch Covid19, nguồn vốn Ngân sách để đầu tư phát triển đường sắt vẫn còn hạn chế sẽ là những khó khăn hiện hữu trong công tác lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch SXKD năm 2022.

Nguồn vốn SNKT năm 2022 cân đối cho công tác bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường Công ty được giao quản lý tăng không đáng kể (khoảng 6%), trong đó chi phí nhân công chỉ tăng khoảng 2,6%. Vì vậy, để đảm bảo thu nhập bình quân của Công ty có mức tăng trưởng 8% trở lên cần nỗ lực rất lớn trong công tác tìm kiếm khai thác các công trình, sản phẩm ngoài công ích.

Trạng thái kỹ thuật cầu, đường của tất cả các tuyến đường trong phạm vi Công ty được giao quản lý đều đã xuống cấp nghiêm trọng do gần 20 năm qua chưa có đoạn, tuyến đường nào được đầu tư, nâng cấp cải tạo, yếu tố kỹ thuật đặc thù, phức tạp (nhiều loại khổ đường, cầu cao, hầm dài, độ dốc lớn, nhiều đường cong bán kính nhỏ, cầu chung... đều đã quá niên hạn sử dụng (đa số cống vòm gạch đã trên 100 năm), trong khi đơn giá BDTX KCHTĐS trên 1km được cân đối thấp hơn nhiều so với các tuyến đường sắt khác (chỉ bằng khoảng 60% đơn giá tuyến HN-TP HCM), nên còn chưa đủ để khắc phục được mức độ xuống cấp của trạng thái cầu, đường, luôn tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn chạy tàu. Đây cũng là một áp lực rất lớn trong công tác đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu năm 2022.

Ngoài ra, nhiều trụ sở nhà cung cầu, cung đường bị xuống cấp như: tường nhà bị thấm, mái sập, trần nhà thấm dột,... Công ty cần phải tiếp tục sử dụng nguồn chi phí chung để cải tạo, sửa chữa khắc phục nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động. Khoản chi phí phát sinh này cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận trong năm 2022.

2. Phương hướng, giải pháp thực hiện:

Trên cơ sở nguồn lực hiện có, kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của các năm qua, với phương châm giữ nhịp độ phát triển, tăng trưởng nhưng phải ổn định vững chắc, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao

động; đóng góp đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ đối với Nhà nước. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 phải đảm bảo mục tiêu cụ thể như sau:

- Sản xuất chính: Hoạt động bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng đường sắt được công ty xác định là hoạt động sản xuất kinh doanh chính, trong đó nhiệm vụ đảm bảo an toàn chạy tàu là cốt lõi. Công ty luôn phấn đấu hoàn thành thật tốt hợp đồng đặt hàng quản lý, BDTX KCHTĐS đã ký kết với Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, giữ vững an toàn chạy tàu, đảm bảo tiến độ và chất lượng cao nhất;

- Sản phẩm ngoài công ích: Tăng cường quan hệ với đối tác bên ngoài để tìm việc làm đảm bảo doanh thu theo kế hoạch, phấn đấu luôn hoàn thành tốt mọi hợp đồng, công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình để giữ vững và phát triển thương hiệu, tạo niềm tin cho đối tác khách hàng.

- Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh, đầu tư máy móc thiết bị để từng bước nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, giảm giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh góp phần tạo điều kiện nâng cao năng lực đơn vị trong việc tìm kiếm thêm việc làm nhằm đảm bảo ổn định, tăng thu nhập, đảm bảo đời sống vật chất cho người lao động. Chủ động, tích cực tìm kiếm thêm việc làm ngoài sản xuất chính, đặc biệt là các đối tác truyền thống của Công ty để đảm bảo tiến tới tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội, giữ được người lao động tiếp tục ở lại làm việc; mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Đảm bảo an toàn chạy tàu, an ninh trật tự, an toàn lao động; xây dựng đơn vị “Chính quy - Văn hoá - An toàn” và phát động các phong trào thi đua trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển doanh nghiệp.

3. Chỉ tiêu kế hoạch sản lượng, doanh thu, chi phí, lợi nhuận cụ thể:

- Sản xuất chính: Hoàn thành 100% giá trị theo hợp đồng đặt hàng về bảo dưỡng thường xuyên do cấp thẩm quyền giao, đặt hàng.

- Sản phẩm ngoài sản xuất chính: Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng đã ký kết; Chủ động, tích cực tham gia thi công và hoàn thành tốt các công trình thi công sửa chữa KCHT ĐS năm 2022 trong ngành (nguồn NSNN cấp cho đường sắt: dự án 7000 tỷ, các dự án SCĐK,...); Tăng cường quan hệ với các đối tác để tìm kiếm thêm việc làm ngoài.

- Thu nhập bình quân của NLĐ tăng trưởng từ 8% trở lên so với năm 2021;

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ % so với TH 2021
1	Doanh thu:	197.318	193.031	98%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản xuất chính	138.196	146.214	106%
	- Sản xuất ngoài sản xuất chính	59.122	46.567	79%
	+ Từ chi NSNN (dự án 7000 tỷ):	40.659	19.417	48%
	+ Từ đối tác bên ngoài:	18.463	27.150	147%
	- Doanh thu khác		250	
2	Chi phí:	193.217	189.091	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.101	3.940	96%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	3.145	3.150	100%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	19,06%	19,09%	100%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	11%	11%	100%

4. Kế hoạch đầu tư:

Phát huy tối đa năng suất các máy móc hiện có như: máy xiết bu lông, máy nâng mồi gục, máy chèn đường thủy lực, máy mài ray. Đầu tư thêm các loại máy móc thiết bị để phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt.

Năm 2022 Công ty dự kiến danh mục đầu tư cụ thể như sau:

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Hoán cải goòng vận tải GM-001 thành goòng cầu tự hành (Thay động cơ và lắp đặt mới hệ thống cầu tự hành 5 tấn và đóng mới 01 toa xe goòng)	01 bộ	1.600.000.000	Tăng năng lực vận chuyển vật tư, phụ kiện trên tuyến ĐS
2	Máy cắt ray (động cơ Honda) SXTQ	03 cái	192.000.000	Phục vụ thi công thay, đảo ray
3	Máy khoan ray (động cơ Honda) SXTQ	03 cái	189.000.000	Phục vụ thi công thay, đảo ray
	Tổng cộng		1.981.000.000	

5. Kế hoạch lao động, tiền lương.

- Tổng số lao động kế hoạch: 712 người (trong đó người quản lý chuyên trách: 08 người, người lao động: 704 người).

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 76.597.000.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người lao động: 9.067.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý chuyên trách: 2.136.700.000 đồng, trong đó mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách đại diện phần vốn nhà nước: 25.712.000 đồng/người/tháng, mức tiền lương bình quân của người quản lý chuyên trách không đại diện phần vốn nhà nước: 21.089.000 đồng/người/tháng.

- Tổng quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý không chuyên trách: 24.000.000 đồng, trong đó mức thù lao bình quân: 670.000 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền thưởng, phúc lợi kế hoạch của người lao động: 630.000.000 đồng.

- Quỹ tiền thưởng kế hoạch của người quản lý: 106.500.000 đồng.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng;

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng xem xét, quyết định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, KHKD.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Long

Số: /BC-ĐSHL

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2021

DỰ THẢO

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Về kết quả hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch định hướng năm 2022;**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) về kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021, kế hoạch định hướng năm 2022 như sau:

I. Kết quả thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, HĐQT đã tập trung chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các giải pháp để hoàn thành những chỉ tiêu kinh doanh với những kết quả cụ thể như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Tổng giá trị doanh thu đạt 197,318 tỷ đồng, tăng 5% so với kế hoạch và bằng 124% so với thực hiện năm 2020. Trong đó:

+ Sản xuất chính (bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS): Thực hiện hoàn thành toàn bộ khối lượng SCTX theo đúng kế hoạch được giao, đảm bảo chất lượng, tiến độ đúng theo hợp đồng đặt hàng đã ký. Doanh thu đạt 138,196 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch và bằng 103% so với thực hiện năm 2020.

+ Sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất chính: Doanh thu đạt 59,122 tỷ đồng, đạt 118% so với kế hoạch và bằng 238% so với năm 2020.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 3,145 tỷ đồng, bằng 103% so với kế hoạch và tăng 3% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận sau thuế /Vốn CSH đạt 19,06%; Tỷ lệ cổ tức /Vốn điều lệ đạt 11,0%.

*Tiền lương và thu nhập bình quân năm 2021 đạt 9.080.000 đ/người/tháng, tăng 8% so với năm 2020.

* Giữ vững được công lệnh tốc độ, tải trọng.

* Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các hoạt động văn hóa, thể thao, đời sống tinh thần của CBCNV ngày càng được cải thiện.

Những kết quả đạt được trong năm qua có được là nhờ sự chỉ đạo sát sao và sự giúp đỡ hết sức to lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cũng như tinh thần nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty. Tuy nhiên, trong năm qua Công ty vẫn còn để xảy ra một số hạn chế như: công tác đảm bảo an toàn chạy tàu chưa được giữ vững, công tác tư tưởng chính trị trong 6 tháng đầu năm còn chưa vững vàng do sự

tác động của một vài đối tượng suy thoái kích động sai sự thật. Những tồn tại này cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD và thành tích đạt được của Công ty. Với nguồn lực hiện có của Công ty cùng với sự kiên trì hoàn thiện hồ sơ năng lực thông qua việc tham gia đấu thầu, tổ chức thi công các công trình trong và ngoài ngành đường sắt 2 năm vừa qua, đồng thời với sự đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động của toàn thể cán bộ, đảng viên, người lao động, Công ty sẽ tiếp tục đạt được những kết quả tốt đẹp trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu khác của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

HĐQT đã chỉ đạo trích lập các Quỹ theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực hiện chi trả cổ tức năm tài chính 2020 trong quý III năm 2021 với tỷ lệ 11% trên mệnh giá cổ phiếu với tổng số tiền chi trả cổ tức 1,815 tỷ đồng, trong đó:

- + Cổ tức cổ đông phần vốn Nhà nước: 925.650.000 đồng
- + Cổ tức cổ đông đại chúng: 889.350.000 đồng

HĐQT đã triển khai việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thuộc danh mục các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính công bố để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh phía Bắc.

Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 là phù hợp với các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và không có nội dung xuất toán nào trọng yếu.

Tất cả các nhiệm vụ của Nghị quyết đều được HĐQT triển khai nghiêm túc và chỉ đạo thực hiện một cách hiệu quả, đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021.

1. Đánh giá chung.

Năm 2021, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ TC&HĐ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT công ty đã tổ chức 12 (mười hai) cuộc họp trong đó có 06 (sáu) cuộc họp mở rộng định kỳ hàng quý và đột xuất để thảo luận và ban hành các Nghị quyết về Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD), các định hướng cho công tác chỉ đạo điều hành.

Các cuộc họp của HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và các định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD hiệu quả. Ngoài các phiên họp, HĐQT đã thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo, giải quyết các vấn đề về quản trị doanh nghiệp, quản lý giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Trong năm, HĐQT đã ban hành 12 Nghị quyết để thông qua các nội dung chính như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2020 và định hướng nhiệm vụ SXKD năm 2021;

- Công tác quy hoạch nhân sự quản lý; nhân sự HĐQT và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2025;
- Xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, các Quy chế nội bộ, các chỉ tiêu SXKD năm 2021 để trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua;
- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2021;
- Kiện toàn nhân sự tại HĐQT (bầu chức vụ Chủ tịch HĐQT);
- Kiện toàn nhân sự tại Ban Giám đốc (bổ nhiệm PGĐ), kiện toàn nhân sự tại các phòng nghiệp vụ;
- Tăng cường chỉ đạo các giải pháp cấp bách trong điều hành SXKD, đảm bảo ATGTĐS trong điều kiện cách ly, giãn cách xã hội tại một số các khu vực để thực hiện phòng chống dịch Covid-19;
- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2021 và định hướng nhiệm vụ SXKD 6 tháng cuối năm 2021;
- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2021, công tác tài chính và thực hiện kế hoạch SXKD;
- Sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo vì lợi ích của các cổ đông, của người lao động và sự phát triển của Công ty.

Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ đã đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động SXKD của công ty, hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, giám sát hoạt động điều hành để tăng cường hiệu quả và hoàn thành tất cả các chỉ tiêu hoạt động SXKD đã được ĐHĐCĐ giao năm 2021.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc.

Công ty được đặt hàng quản lý, bảo trì khối lượng kết cấu hạ tầng đường sắt (KCHTĐS) lớn với nhiều đặc thù kỹ thuật phức tạp, nhiều loại khổ đường, cầu cao, độ dốc lớn, đường cong bán kính nhỏ, hầm, cầu chung...

Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực điều hành đạt kết quả: sản phẩm quản lý, bảo trì thực hiện đúng phương án tác nghiệp, tiến độ và chất lượng, nỗ lực cùng HĐQT tìm kiếm, khai thác các sản phẩm dịch vụ khác nhằm đảm bảo việc làm và tăng thu nhập cho CBCNV. Các thành viên trong Ban Giám đốc Công ty đều là các nhân sự giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý, bảo kỳ kết cấu hạ tầng đường sắt và điều hành hiệu quả trong mọi công việc.

Trong năm 2021, HĐQT đã tăng cường công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, chỉ

đạo chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường giám sát việc thực thi các quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh đảm bảo minh bạch và đúng quy định của pháp luật. Với tinh thần trách nhiệm cao, toàn bộ Ban Giám đốc đã chủ động tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở nhiệm vụ được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đặt hàng và các kế hoạch của Hội đồng quản trị giao. Các kế hoạch triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả, qua đó đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch được giao trong năm.

III. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022.

Năm 2022 là năm tiếp theo thực hiện chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết của Đảng bộ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam và Nghị quyết Đảng bộ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng.

Với phương châm **“Đoàn kết - Kỷ cương – An toàn - Hiệu quả”**, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo, định hướng các giải pháp và nguồn lực để Ban Điều hành triển khai thực hiện hoàn thành tất cả các chỉ tiêu trọng tâm của năm 2022.

1. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD năm 2022.

HĐQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD năm 2022 dự kiến trình ĐHĐCĐ như sau:

1	Doanh thu SXKD	193,031	Tỷ đồng
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Sản phẩm công ích</i>	<i>146,214</i>	<i>Tỷ đồng</i>
-	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	<i>46,817</i>	<i>Tỷ. đồng</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	3,9	Tỷ. đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	3,15	Tỷ. đồng
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	19,09	%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	11	%
6	Thu nhập BQ người lao động	9.794.000	đồng/người/tháng

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2022.

- Triển khai thực hiện toàn diện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, trong đó tập trung hoàn thành hiệu quả kế hoạch SXKD năm 2022.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS, hoạt động đảm bảo ATGTĐS nhằm đảm bảo tất cả các tác nghiệp được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng quy trình bảo trì KCHTĐS do Bộ GTVT ban hành và các quy định liên quan của Tổng công ty ĐSVN, đảm bảo tuyệt đối ATCT từ nay đến hết năm 2022 và những năm tiếp theo.

- Đẩy mạnh mối quan hệ với đối tác để tăng tỷ trọng doanh thu sản xuất ngoài công ích đảm bảo doanh thu đạt và vượt kế hoạch; chỉ đạo hoàn thành tất cả công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật công trình để giữ vững và phát triển thương hiệu, tạo niềm tin cho đối tác khách hàng.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc phối hợp với Trường Cao đẳng đường sắt để tổ chức đào tạo lại nghiệp vụ cho các chức danh Kỹ thuật viên, Cung trưởng, Cung phó, Tuần đường, Gác chắn và công nhân duy tu chưa qua đào tạo nghiệp vụ, đặc biệt là người lao động mới tuyển dụng.

- Giám sát việc thực hiện ứng dụng có hiệu quả các đề tài KHCN trong tác đảm bảo ATCT như: hệ thống giám sát hành trình tuần đường, hệ thống biển đỏ quay liên động, đèn đỏ xoay tại dàn chắn, cần chắn.... Thúc đẩy tiến độ nghiên cứu KHCN các đề tài đã đăng ký, đổi mới sáng tạo trong việc cải tiến trang thiết bị và dụng cụ sản xuất tại hiện trường, từng bước nâng cao tỷ trọng khối lượng tác nghiệp sử dụng máy móc, thiết bị trong bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS.

- Định hướng công tác bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS theo tinh thần phục vụ tốt nhất công tác vận tải đường sắt, góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 20/4/2021 của Đảng ủy Tổng công ty ĐSVN về nâng cao năng lực vận tải đường sắt.

- Tăng cường sự phối hợp với chính quyền và ban ngành các địa phương trong việc thực hiện đảm bảo an toàn giao thông đường sắt; đường ngang, lối đi tự mở; hành lang ATGTĐS theo Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đảm bảo trật tự hành lang an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt ban hành kèm theo Quyết định số 1168/QĐ-ĐS ngày 31/12/2020 của Tổng Giám đốc Tổng công ty ĐSVN.

- Giám sát, đôn đốc việc tổ chức xây dựng một số đơn vị hiện trường (Đội, Cung) đạt 100% tiêu chí **“Chính quy - Văn hoá - An toàn”** do Tổng công ty ĐSVN ban hành, đồng thời phát động các phong trào thi đua tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả trên tất cả các quy trình quản lý, sản xuất của công ty.

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ, chuẩn mực tiên tiến để đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực, tạo ra giá trị phát triển bền vững trong dài hạn của công ty.

Kính chúc các Quý vị cổ đông, các vị đại biểu mạnh khỏe và hạnh phúc. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- Đảng ủy Công ty (để b/c);
- HĐQT, Ban GD, BKS (để th/h);
- Công đoàn, ĐTN (để ph/h);
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đăng Khoa

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Về hoạt động của Ban Kiểm soát; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CPĐS Hà Lạng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CPĐS Hà Lạng;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CPĐS Hà Lạng.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về hoạt động của Ban Kiểm soát; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo qui định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Năm 2021, Ban kiểm soát đã có những hoạt động cụ thể như sau:

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và giao ban sản xuất kinh doanh hằng tháng của Công ty;
- Tổ chức 05 phiên họp để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo qui định;
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 và 6 tháng đầu năm 2021;
- Xem xét trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua;
- Bầu Trưởng Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026;
- Xem xét việc ban hành và triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- Xem xét việc chi trả cổ tức, trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý năm 2021 và tình hình thực hiện các

chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021;

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động và lao động quản lý;

- Xem xét tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt theo Phương án tác nghiệp kỹ thuật đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng sản xuất kinh doanh ngoài công ích;

- Giám sát tình hình tài chính của Công ty;

- Tham gia ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung và giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty và thực hiện các hoạt động khác theo nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

2. Kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021

- Công ty thực hiện chia cổ tức và trích lập Quỹ đầu tư, phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ khen thưởng người quản lý năm 2020 và chi trả thù lao cho người quản lý không chuyên trách năm 2021 theo đúng Nghị quyết Đại hội.

- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 197 tỷ 318 triệu đồng, vượt 5% so với kế hoạch năm và bằng 124% so với năm 2020.

Trong đó:

- + *Doanh thu từ hoạt động công ích đạt: 138 tỷ 196 triệu đồng, bằng 100% kế hoạch năm và bằng 103% so với năm 2020.*

- + *Doanh thu từ hoạt động SXKD khác đạt 59 tỷ 122 triệu đồng, vượt 18% kế hoạch năm và bằng 238% so với năm 2020.*

- Lợi nhuận trước thuế đạt 4 tỷ 101 triệu đồng, vượt 8% kế hoạch năm và bằng 109% so với năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 3 tỷ 145 triệu đồng, vượt 3% kế hoạch năm và bằng 103,4% so với năm 2020.

- Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ đạt 19,06%, vượt 3% kế hoạch năm và bằng 103,4% so với năm 2020.

- Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ đạt 11%.

- Thu nhập bình quân đạt 9 triệu 080 nghìn đồng/người/tháng, tăng 8,2% so với năm 2020 (8.390.000đ/người/tháng).

- Công ty đã thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.

- Về công tác đầu tư: Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Công ty sẽ thực đầu tư mua sắm 04 bộ thiết bị nâng hạ ray với tổng mức đầu tư dự kiến ban đầu là 800 triệu đồng, nhưng do ảnh hưởng bởi dịch Covid-

19, các nhà cung cấp không nhập khẩu được thiết bị này nên Công ty không thể thực hiện công tác đầu tư theo kế hoạch ban đầu.

3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2021.

Ban kiểm soát đã nhận được BCTC năm 2021 do Ban điều hành cung cấp và Báo cáo kết quả kiểm toán đối với BCTC năm 2021 của Công ty được thực hiện bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Sau khi rà soát việc trình bày BCTC của Công ty đảm bảo phù hợp với nội dung và biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; rà soát số liệu thuyết minh chi tiết với số liệu tổng hợp trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình bày trong BCTC với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết; rà soát các khuyến nghị và các bút toán đề nghị điều chỉnh của kiểm toán độc lập. Ban kiểm soát báo cáo kết quả thẩm định BCTC năm 2021 như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC năm 2021 của Công ty phù hợp với nội dung và biểu mẫu quy định tại thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh BCTC.

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu trong sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trong BCTC cho thấy các chỉ tiêu trong BCTC được xác lập hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty. Số liệu đầu kỳ của BCTC năm 2021 khớp đúng với số liệu cuối kỳ của BCTC năm 2020.

- Sau khi thẩm định, Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Với kết quả thẩm định như trên, Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam rằng “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty trong năm 2021.

4.1. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 12 (mười hai) cuộc họp nhằm tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Các nghị quyết được Hội đồng quản trị thống nhất đưa ra tại các cuộc họp đều phù hợp với định hướng, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty, phù hợp với chủ trương chung của Nhà nước, của ngành và phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo qui định tại Điều lệ Công ty, đồng thời cũng là những định hướng quan trọng giúp Ban điều hành tổ

chức thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Hội đồng quản trị cũng đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động bảo dưỡng thường xuyên KCHTĐS, hoạt động đảm bảo ATGTĐS nhằm đảm bảo tất cả các tác nghiệp được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và đúng quy trình bảo trì KCHTĐS theo quy định của Bộ GTVT và Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

Trong năm, Hội đồng quản trị cũng đã duy trì và mở rộng mối quan hệ đối với các đối tác, qua đó tỷ trọng doanh thu ngoài công ích đã vượt mức kế hoạch đề ra.

4.2. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty

- Giám đốc Công ty đã điều hành các hoạt động của Công ty theo đúng nhiệm vụ, thẩm quyền được giao;
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
- Thực hiện nhiều giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua kế hoạch chi phí đã được HĐQT Công ty phê duyệt;
- Chỉ đạo quyết liệt các đơn vị tăng cường công tác kiểm tra trạng thái kỹ thuật cầu đường nhằm kịp thời phát hiện và sửa chữa những điểm xấu có nguy cơ mất an toàn chạy tàu;
- Tích cực tìm kiếm thêm các công trình ngoài sản xuất chính và tập trung thanh, quyết toán các công trình hoặc hạng mục các công trình đã hoàn thành;
- Giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người lao động;
- Quan tâm chăm lo, thăm hỏi động viên tới người lao động, đặc biệt là những người lao động bị ảnh hưởng bởi dịch covid-19 và những người lao động tham gia sản xuất tại các công trình trọng điểm;

5. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cổ đông.

- Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.
- Đại diện Ban kiểm soát đã tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở đó kịp thời theo sát các hoạt động của Công ty và việc thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông.
- Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình theo qui định tại Điều lệ Công ty. Ban Lãnh đạo cũng đã thực hiện nghiêm túc việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát được tiếp cận với tài liệu để kiểm tra tính sát thực của thông tin.
- Trong năm, Ban kiểm soát cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

6. Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Xem xét Báo cáo tài chính hàng quý, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 (*đã hoàn thành*) và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022;

- Xem xét, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam...;

- Xem xét tình hình thực hiện Phương án tác nghiệp kỹ thuật hàng quý đã được Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phê duyệt và tình hình thực hiện các hợp đồng SXKD ngoài công ích;

- Giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ của Ban.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng về hoạt động của Ban Kiểm soát; kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2021 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Hào

Số: /TTr-ĐSHL

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính và phân phối lợi nhuận năm 2021, kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 và lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường sắt Hà Lạng ;

Căn cứ Quyết nghị Đại hội cổ đông công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng số 05-21/NQ-ĐHCD.2021 ngày 26/4/2021;

Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- CN phía Bắc.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua các nội dung sau :

1. Báo cáo tài chính năm 2021 :

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam – CN phía bắc kiểm toán, lập và phát hành ngày 23 tháng 02 năm 2022 bao gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. (Bản Báo cáo tài chính đã được đăng trên trang Website của công ty).

2. Phân phối lợi nhuận năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế		3.145.149.808

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
2	LN năm trước còn lại chưa phân phối		0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối		3.145.149.808
3.1	Chia cổ tức bằng tiền (VĐL x11%)		1.815.000.000
	Trong đó:		
	Cổ tức phần vốn Nhà nước (51%)		925.650.000
	Cổ tức cổ đông đại chúng (49%)		889.350.000
3.2	Trích quỹ đầu tư, phát triển	(16% LNST)	500.000.000
3.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(26% LNST)	830.149.808
3.4	Trích quỹ thưởng người quản lý	(0% LNST)	0
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		0

Ghi chú: Năm 2021 không trích quỹ thưởng NQL do HĐQT, BGD không hoàn thành nhiệm vụ liên quan đến 02 vụ tai nạn chạy tàu trong vòng 6 tháng.

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế		3.150.000.000
2	Lợi nhuận năm trước còn lại chưa phân phối		0
3	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối		3.150.000.000
3.1	Chia cổ tức (VĐL x 11%)	LNST x 58%	1.815.000.000
3.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	LNST x 15%	472.500.000
3.3	Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi	LNST x 24%	756.000.000
3.4	Trích quỹ thưởng NQL công ty	LNST x 3,4 %	106.500.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		0

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022:

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đăng Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ: 16.500.000.000 VND.

Số lượng cổ phiếu: 1.650.000 cổ phiếu.

Mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Mã chứng khoán: HLR

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Trọng Thuyết	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban Kiểm soát	
Bà Hoàng Thị Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/04/2021
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 26/04/2021
Bà Trịnh Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/04/2021
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 26/04/2021

Ban giám đốc

Ông Nguyễn Quang Long	Giám đốc	
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc	
Ông Trần Đức Ngọc	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2021

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Quang Long - Giám đốc.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.



Nguyễn Quang Long

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022



Số: 096/2022/BCKT-PB.00124

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 23 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Viết Cường

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 2478-2018-009-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

- CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán

Số: 2505-2019-009-1

JAAP
CÔ
LỊCH
KIẾ
AFC
CI
P
TƯ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.234.202.633	85.859.753.832
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.318.058.943	1.678.722.007
1. Tiền	111		1.318.058.943	1.678.722.007
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.801.407.043	69.134.661.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	54.724.066.197	61.012.541.741
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.055.258.110	719.350.651
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	10.614.829.174	12.132.674.311
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.2	(6.592.746.438)	(4.729.905.375)
IV/ Hàng tồn kho	140	5.5	14.063.598.076	14.752.754.834
1. Hàng tồn kho	141		14.063.598.076	14.752.754.834
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		51.138.571	293.615.663
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	293.537.070
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.138.571	78.593
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.615.119.886	10.772.915.055
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		8.200.853.652	8.206.410.715
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	8.200.853.652	8.206.410.715
- Nguyên giá	222		27.836.141.038	26.398.484.536
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.635.287.386)	(18.192.073.821)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		-	578.298.642
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	578.298.642
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		2.414.266.234	1.988.205.698
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.414.266.234	1.988.205.698
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		85.849.322.519	96.632.668.887

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


Đơn vị tính: VND


NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		64.598.191.711	75.986.358.617
I/ Nợ ngắn hạn	310		64.598.191.711	75.986.358.617
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	36.530.974.932	38.229.362.247
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.9	405.000.000	11.357.856.719
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.696.321.384	2.972.947.882
4. Phải trả người lao động	314		12.582.652.716	12.659.273.855
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	532.627.148	7.000.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	2.519.361.274	2.442.724.692
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	6.086.614.500	8.295.252.381
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		244.639.757	21.940.487
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.14	21.251.130.808	20.646.310.270
I/ Vốn chủ sở hữu	410		21.251.130.808	20.646.310.270
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.500.000.000	16.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		16.500.000.000	16.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.605.981.000	1.104.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.145.149.808	3.042.310.270
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.145.149.808	3.042.310.270
III/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		85.849.322.519	96.632.668.887



Nguyễn Quang Long
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022


Phạm Trọng Phương
Kế toán trưởng


Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	197.000.575.650	158.068.204.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		197.000.575.650	158.068.204.809
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	172.209.957.102	137.594.123.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.790.618.548	20.474.081.327
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	279.384.756	427.027.192
7. Chi phí tài chính	22		140.308.828	79.171.024
Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	140.308.828	79.171.024
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	20.770.068.372	17.011.240.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.159.626.104	3.810.697.419
11. Thu nhập khác	31	6.6	38.194.181	559.947.475
12. Chi phí khác	32	6.7	96.993.113	597.778.630
13. Lợi nhuận khác	40		(58.798.932)	(37.831.155)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.100.827.172	3.772.866.264
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	955.677.364	730.555.994
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.145.149.808	3.042.310.270
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	1.463	1.404
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.9	1.463	1.404



Nguyễn Quang Long

Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Phạm Trọng Phương

Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

		Đơn vị tính: VND		
	Chi tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	211.167.994.323	171.558.669.320
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(108.363.400.719)	(64.661.677.076)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(74.331.111.041)	(64.799.439.299)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(144.742.034)	(72.170.670)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05	(830.555.994)	(964.420.799)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	8.341.296.182	6.169.475
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(30.898.511.044)	(41.854.417.151)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.940.969.673	(787.286.200)
II/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.684.016.000)	-
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(48.237.692.839)	-
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	48.237.692.839	-
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	279.384.756	423.547.023
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.404.631.244)	423.547.023
III/	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	41.737.703.256	21.534.063.141
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.946.341.137)	(19.191.245.118)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.688.363.612)	(2.097.239.464)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.897.001.493)	245.578.559
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(360.663.064)	(118.160.618)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.678.722.007	1.796.882.625
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.318.058.943	1.678.722.007



Nguyễn Quang Long
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Phạm Trọng Phương
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2400152522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 14/12/2010, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/07/2020.

Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Lạng được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Đường sắt Hà Lạng, thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông Vận tải, ngày 30/12/2015 Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 2400152522.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần 5 là 16.500.000.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom từ ngày 28/11/2016 với mã chứng khoán là HLR, số lượng cổ phiếu là 1.650.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 06 đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

- Hỗ trợ vận tải đường sắt;
- Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt.

1.3 Ngành nghề kinh doanh chính

- Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt;
- Dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Dịch vụ thi công xây dựng công trình về giao thông đường sắt, đường bộ, dân dụng, công nghiệp;
- Tổ chức ứng phó sự cố thiên tai, cứu nạn và tai nạn giao thông đường sắt;
- Dịch vụ bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, đường thủy.

1.4 Ngành nghề kinh doanh chính

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2021, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty.

1.6 Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Xây dựng công trình Bắc Giang	Số 06 Nguyễn Khắc Nhu, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	Theo hoạt động đăng ký kinh doanh của Công ty

1.7 Nhân viên

Số lao động bình quân trong năm 2021 là 719 người, năm 2020 là 732 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ngày 22/12/2014 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và chi phí có liên quan trực tiếp khác;
- Đối với các nhóm hàng tồn kho khác: Giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hoạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014, được phê duyệt theo Quyết định số 3902/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2015 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

4.9 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.10 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được, không ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

4.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	454.697.453	236.595.532
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	863.361.490	1.442.126.475
Cộng	1.318.058.943	1.678.722.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	32.228.606.237	-	44.667.871.629	-
Công ty CP vận tải	-	-	137.047.000	-
Đường sắt Hà Nội	-	-	-	-
Công ty CP Đường sắt Hà Thái	263.405.406	-	256.821.049	-
Ban QLDA Đường sắt KVI - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	-	-	6.455.009.518	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	31.708.379.782	-	37.562.173.013	-
Công ty CP đường sắt Hà Hải	256.821.049	-	256.821.049	-
Các bên khác	22.495.459.960	(6.592.746.438)	16.344.670.112	(4.729.905.375)
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lục Nam	4.497.370.722	-	1.010.578.662	-
Ban Quản lý dự án Đường sắt	3.879.343.725	-	-	-
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	(3.089.596.800)	3.089.596.800	(2.166.760.260)
Các khoản phải thu khách hàng khác	11.029.148.713	(3.503.149.638)	12.244.494.650	(2.563.145.115)
Cộng	54.724.066.197	(6.592.746.438)	61.012.541.741	(4.729.905.375)

5.2.1 Nợ xấu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
UBND Thành phố Bắc Giang	149.727.115	-	149.727.115	-
Công ty TNHH Hướng Tâm	119.167.000	-	119.167.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng 121 - Cienco1	1.925.413.000	-	1.925.413.000	-
Công ty TNHH Vận tải Việt Thanh	368.838.000	-	368.838.000	-
Công ty CP xây dựng công trình và đầu tư 120	3.089.596.800	-	3.089.596.800	922.836.540
Công ty cổ phần HTV - Xây dựng và Thương mại	79.683.000	-	79.683.000	79.683.000
Công ty CP đầu tư xây dựng và phát triển đô thị IDC	204.742.000	-	204.742.000	204.742.000
Công ty CP công trình cơ giới 798	104.059.000	31.217.700	104.059.000	104.059.000
Công ty CP BOT Phả Lại	1.505.574.763	922.836.540	789.194.290	789.194.290
Cộng	7.546.800.678	954.054.240	6.830.420.205	2.100.514.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tình hình biến động nợ phải thu khó đòi

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Số dư đầu năm	4.729.905.375	3.121.186.115
Trích lập trong năm	1.862.841.063	1.608.719.260
Số dư cuối năm	6.592.746.438	4.729.905.375

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	633.458.810	-	-	-
Công ty CP đường Sắt Sài Gòn	633.458.810	-	-	-
Các bên khác	421.799.300	-	719.350.651	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Huy Hạ	-	-	100.000.000	-
Công ty CP Công nghệ thông tin Halovi	-	-	244.774.750	-
Công ty CP xây dựng và kinh doanh TM Long Phát	360.999.300	-	-	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	60.800.000	-	374.575.901	-
Cộng	1.055.258.110	-	719.350.651	-

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	901.859.400	-	901.859.400	-
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	901.859.400	-	901.859.400	-
Các bên khác	9.712.969.774	-	11.230.814.911	-
Cầm cố, ký quỹ (i)	3.974.528.269	-	7.531.371.666	-
Tiền tạm ứng cho CBNV	3.195.577.600	-	2.411.500.000	-
Phải thu chi phí bảo quản trông coi VTTH	141.363.932	-	98.966.704	-
Phải thu bảo hiểm của người lao động	359.605.773	-	310.707.624	-
Phải thu Đỗ Tuấn Anh	1.229.223.559	-	-	-
Phải thu khác	812.670.641	-	878.268.917	-
Cộng	10.614.829.174	-	12.132.674.311	-

(i) Chi tiết các khoản cầm cố, ký quỹ:

- Ký quỹ BL thực hiện HĐ - Gói số 21: Km 1619-km 1688 (Đồng Nai) số tiền: 3.868.749.087 VND;

- Các dự án khác: 91.179.182 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.003.799.127	-	1.024.508.405	-
Công cụ, dụng cụ	98.299.378	-	70.918.083	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	11.961.499.571	-	13.657.328.346	-
Cộng	14.063.598.076	-	14.752.754.834	-

Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang:

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Xây dựng cầu Treo lên đền Trần Suối Mỡ	122.109.860	122.109.860
Xây dựng cầu dẫn xuống tàu đón chủ tịch kim Jong Un	-	323.670.881
Gói thầu số 1: Nâng cấp, cải tạo tuyến ĐS HN - TP HCM	256.010.798	11.524.686.651
Gói số 21: Nâng cấp, cải tạo ĐS km 1619-km 1688 (Đồng Nai)	11.026.000.000	7.645.000
XD ĐN km 28+500 Kinh Bắc	475.486.400	-
Các dự án khác	81.892.513	1.679.215.954
Cộng	11.961.499.571	13.657.328.346

5.6 Chi phí trả trước dài hạn**Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lợi thế kinh doanh	928.480.767	1.160.600.959
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.485.785.467	827.604.739
Cộng	2.414.266.234	1.988.205.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7	Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số dư tại 01/01/2021		14.864.169.461	6.023.529.883	4.954.610.963	441.039.229	115.135.000	26.398.484.536
Mua trong năm		-	746.700.000	-	-	-	746.700.000
Tăng khác		769.551.502	-	-	-	-	769.551.502
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	(78.595.000)	(78.595.000)
Số dư tại 31/12/2021		15.633.720.963	6.770.229.883	4.954.610.963	441.039.229	36.540.000	27.836.141.038
GIÁ TRỊ HAO MÒN							
Số dư tại 01/01/2021		10.213.777.511	4.094.548.496	3.370.650.375	397.962.439	115.135.000	18.192.073.821
Khấu hao trong năm		558.073.619	608.019.405	312.638.751	43.076.790	-	1.521.808.565
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	(78.595.000)	(78.595.000)
Số dư tại 31/12/2021		10.771.851.130	4.702.567.901	3.683.289.126	441.039.229	36.540.000	19.635.287.386
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư tại 01/01/2021		4.650.391.950	1.928.981.387	1.583.960.588	43.076.790	-	8.206.410.715
Số dư tại 31/12/2021		4.861.869.833	2.067.661.982	1.271.321.837	-	-	8.200.853.652

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2021 là 6.173.190.368 VND, tại 01/01/2021 là 4.026.456.877 VND;

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại 31/12/2021 là 4.861.869.833 VND, tại 01/01/2021 là 4.650.391.950 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.8 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Các bên liên quan	2.558.621.570	2.558.621.570	3.393.301.076	3.393.301.076
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	1.823.502.935	1.823.502.935	1.960.433.551	1.960.433.551
Công ty CP Đá Đồng Mỏ	226.430.370	226.430.370	1.079.634.500	1.079.634.500
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	49.660.840	49.660.840	71.880.600	71.880.600
Trường Cao đẳng Đường sắt	431.000.000	431.000.000	253.325.000	253.325.000
Chi nhánh Tổng Công ty ĐSVN - XN Đầu máy Yên Viên	28.027.425	28.027.425	28.027.425	28.027.425
Các bên khác	33.972.353.362	33.972.353.362	34.836.061.171	34.836.061.171
Công ty CP Đầu tư công trình Hà Nội	5.821.701.136	5.821.701.136	7.807.361.386	7.807.361.386
Công ty CP thiết bị và vật tư TH Việt Nam	3.788.110.467	3.788.110.467	3.599.461.666	3.599.461.666
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ	8.196.896.400	8.196.896.400	8.698.474.400	8.698.474.400
Công ty TNHH XD và TM đường sắt Đông Dương	237.600.000	237.600.000	3.457.729.000	3.457.729.000
Công ty CP đầu tư và XD công trình 3	4.592.160.000	4.592.160.000	-	-
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	11.335.885.359	11.335.885.359	11.273.034.719	11.273.034.719
Cộng	36.530.974.932	36.530.974.932	38.229.362.247	38.229.362.247

5.9 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các bên khác	405.000.000	405.000.000	11.357.856.719	11.357.856.719
Ban Quản lý Dự án Đường sắt	-	-	11.357.856.719	11.357.856.719
Công ty CP xây dựng 31 Thăng Long	405.000.000	405.000.000	-	-
Cộng	405.000.000	405.000.000	11.357.856.719	11.357.856.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.567.148	7.000.354
Chi phí thi công phải trả	530.060.000	-
Cộng	532.627.148	7.000.354

5.11 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các bên liên quan	992.045.338	992.045.338	992.045.338	992.045.338
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	992.045.338	992.045.338	992.045.338	992.045.338
Các bên khác	1.527.315.936	1.527.315.936	1.450.679.354	1.450.679.354
Phải trả giá trị vật tư thu hồi	1.202.966.691	1.202.966.691	1.202.966.691	1.202.966.691
Phải trả tiền cổ tức	272.715.362	272.715.362	146.078.974	146.078.974
Phải trả khác	51.633.883	51.633.883	101.633.689	101.633.689
Cộng	2.519.361.274	2.519.361.274	2.442.724.692	2.442.724.692

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	5.487.974.945	7.561.988.073	10.157.856.102	-	2.892.106.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	205.677.364	830.555.994	955.677.364	-	80.555.994
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.669.075	57.477.277	59.861.380	-	284.972
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	228.180.463	228.180.463	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	5.696.321.384	8.682.201.807	11.405.575.309	-	2.972.947.882

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	31/12/2021	Trong năm	01/01/2021
	Giá trị	Tăng	Giá trị
	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Bắc Giang (i)	6.086.614.500	41.737.703.256	8.295.252.381
Cộng	6.086.614.500	41.737.703.256	8.295.252.381

- (i) Hợp đồng vay số 01/2021-HĐCVHM/NHCT280-ĐSHL ngày 12/04/2021:
- Hạn mức khoản vay 35.000.000.000 VND;
 - Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12/04/2021 đến hết ngày 12/04/2022;
 - Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh thi công, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt, đường bộ dân dụng, công nghiệp;
 - Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2019/HĐBBĐ/NHCT280-ĐSHL ngày 23/8/2019 Địa chỉ: Số 6, Nguyễn Khắc Nhu, phường Trần Nguyên Hãn, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang .

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.14 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2020	16.500.000.000	1.104.000.000	2.546.137.145	20.150.137.145
Lãi trong năm trước	-	-	3.042.310.270	3.042.310.270
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(2.546.137.145)	(2.546.137.145)
Số dư tại 31/12/2020	16.500.000.000	1.104.000.000	3.042.310.270	20.646.310.270
Số dư tại 01/01/2021	16.500.000.000	1.104.000.000	3.042.310.270	20.646.310.270
Lãi trong năm nay	-	-	3.145.149.808	3.145.149.808
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	501.981.000	(3.042.310.270)	(2.540.329.270)
Số dư tại 31/12/2021	16.500.000.000	1.605.981.000	3.145.149.808	21.251.130.808

- (i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Quyết định số 12-20/NQ-ĐHĐCĐ.2020 ngày 29/02/2020:

	Năm 2019 VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	401.137.145
Chia cổ tức	2.145.000.000
Tổng	2.546.137.145

- (ii) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 05-21/NQ-ĐHĐCĐ.2021 ngày 26/04/2021:

	Năm 2020 VND
Trích quỹ đầu tư phát triển	501.981.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	618.849.270
Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	106.480.000
Chia cổ tức	1.815.000.000
Tổng	3.042.310.270

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021			01/01/2021		
	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Số lượng CP	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty đường sắt Việt Nam	841.500	8.415.000.000	51%	841.500	8.415.000.000	51%
Các cổ đông khác	808.500	8.085.000.000	49%	808.500	8.085.000.000	49%
Cộng	1.650.000	16.500.000.000	100%	1.650.000	16.500.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Vốn góp cuối năm	16.500.000.000	16.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.815.000.000	2.145.000.000

Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu phổ thông	1.650.000	1.650.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu****6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu hoạt động sửa chữa thường xuyên	138.195.620.909	134.220.601.676
Doanh thu hoạt động khác	58.804.954.741	23.847.603.133
Cộng	197.000.575.650	158.068.204.809

6.1.2 Doanh thu bên liên quan

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ban QLDA Đường sắt Khu vực I - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	979.584.899	9.803.107.572
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Thái	239.459.460	233.473.681
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	138.195.620.909	134.220.601.676
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải	233.473.681	233.473.681
Cộng	139.648.138.949	144.490.656.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 <i>VND</i>	Năm 2020 <i>VND</i>
Giá vốn hoạt động sửa chữa thường xuyên	119.015.306.347	114.949.811.956
Giá vốn hoạt động khác	53.194.650.755	22.644.311.526
Cộng	172.209.957.102	137.594.123.482

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 <i>VND</i>	Năm 2020 <i>VND</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	279.384.756	427.027.192
	279.384.756	427.027.192

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 <i>VND</i>	Năm 2020 <i>VND</i>
Lãi tiền vay	140.308.828	79.171.024
Cộng	140.308.828	79.171.024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 <i>VND</i>	Năm 2020 <i>VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	11.042.602.276	9.502.469.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	355.715.541	497.146.443
Chi phí dự phòng	1.862.841.063	725.875.760
Các khoản khác	7.508.909.492	6.285.748.873
Cộng	20.770.068.372	17.011.240.076

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 <i>VND</i>	Năm 2020 <i>VND</i>
Kinh doanh nhà lưu trú	30.418.181	27.818.182
Thu gom vật tư thu hồi	-	503.185.293
Các khoản khác	7.776.000	28.944.000
Cộng	38.194.181	559.947.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí cảnh giới đường ngang	7.776.000	28.944.000
Chi phí cho thuê nhà lưu trú	30.250.000	5.933.967
Chi phí thu gom vật tư thu hồi	-	503.185.293
Các khoản khác	58.967.113	59.715.370
Cộng	96.993.113	597.778.630

6.8 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.100.827.172	3.772.866.264
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	677.559.649	1.445.390.837
Các khoản điều chỉnh tăng	677.559.649	1.445.390.837
Các khoản chi phí không được trừ	677.559.649	1.445.390.837
Thu nhập tính thuế TNDN	4.778.386.821	5.218.257.101
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	955.677.364	1.043.651.420
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	(313.095.426)
Chi phí thuế TNDN tính trên TNCT năm hiện hành	955.677.364	730.555.994

6.9 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.145.149.808	3.042.310.270
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	3.145.149.808	3.042.310.270
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	(731.750.000)	(725.329.270)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	1.650.000	1.650.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.463	1.404
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.463	1.404

(i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định theo phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và dự kiến phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông - Nghị quyết số 05-21/NQ-ĐHĐCĐ.2021 tại phiên họp thường niên năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	66.448.086.148	60.455.236.277
Chi phí nhân công	89.648.822.047	84.926.381.111
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.521.808.565	1.632.089.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.499.777.742	10.143.121.149
Chi phí khác bằng tiền	9.010.929.391	7.581.621.159
Cộng	190.129.423.893	164.738.449.259

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị ghi sổ			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.318.058.943	-	1.678.722.007	-
Phải thu khách hàng	54.724.066.197	(6.592.746.438)	61.012.541.741	(4.729.905.375)
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	7.419.251.574	-	9.721.174.311	-
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	63.461.376.714	(6.592.746.438)	72.412.438.059	(4.729.905.375)

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	6.086.614.500	8.295.252.381
Phải trả người bán	36.530.974.932	38.229.362.247
Chi phí phải trả	532.627.148	7.000.354
Phải trả khác	2.519.361.274	2.442.724.692
Cộng	45.669.577.854	48.974.339.674

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi lãi suất, giá hàng hóa và giá cổ phiếu.

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất của thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tài sản tài chính				
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.318.058.943	-	-	1.318.058.943
Phải thu khách hàng	48.131.319.759	-	-	48.131.319.759
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	7.419.251.574	-	-	7.419.251.574
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	56.868.630.276	-	-	56.868.630.276
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.678.722.007	-	-	1.678.722.007
Phải thu khách hàng	56.282.636.366	-	-	56.282.636.366
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Phải thu khác	9.721.174.311	-	-	9.721.174.311
Đầu tư tài chính	-	-	-	-
Cộng	67.682.532.684	-	-	67.682.532.684

Công ty xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Nợ phải trả tài chính				
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	6.086.614.500	-	-	6.086.614.500
Phải trả người bán	36.530.974.932	-	-	36.530.974.932
Chi phí phải trả	532.627.148	-	-	532.627.148
Phải trả khác	2.519.361.274	-	-	2.519.361.274
Cộng	45.669.577.854	-	-	45.669.577.854
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	8.295.252.381	-	-	8.295.252.381
Phải trả người bán	38.229.362.247	-	-	38.229.362.247
Chi phí phải trả	7.000.354	-	-	7.000.354
Phải trả khác	2.442.724.692	-	-	2.442.724.692
Cộng	48.974.339.674	-	-	48.974.339.674

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Các khoản cam kết, bảo lãnh

Trong năm, Công ty không thực hiện cam kết, bảo lãnh cho một bên thứ 3 nào.

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.2.1 Danh sách bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Hà Thái	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đá Đồng Mỏ	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Đường sắt Hà Hải	Công ty con của Tổng Công ty
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm	Công ty con của Tổng Công ty
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Ga Đồng Đăng	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - XN Đầu máy Yên Viên	Đơn vị phụ thuộc thuộc Tổng Công ty

8.2.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

		Năm 2021		Năm 2020	
		Thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND	Thù lao/ Tiền lương VND	Tiền thưởng VND
Hội đồng quản trị		851.073.000	51.577.000	826.680.000	-
Ông Hoàng Đăng Khoa	Chủ tịch	315.151.000	19.498.000	305.222.000	-
Ông Nguyễn Quang Long	Thành viên	282.249.000	8.934.000	166.258.000	-
Ông Nguyễn Trọng Thuyết	Thành viên	253.673.000	8.527.000	133.586.000	-
Ông Trần Phú Hiệp	Thành viên	-	8.934.000	136.202.000	-
Nguyễn Văn Trọng	Thành viên	-	5.684.000	85.412.000	-
Ban kiểm soát		257.216.000	17.053.000	259.638.000	-
Ông Nguyễn Văn Hào	Trưởng Ban	240.026.000	17.053.000	259.638.000	-
Bà Hoàng Thị Tuyết	Thành viên	4.000.000	-	-	-
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	4.000.000	-	-	-
Bà Trịnh Diệu Linh	Thành viên	8.000.000	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Nhung	Thành viên	1.190.000	-	-	-
Ban giám đốc và kế toán trưởng		867.297.000	37.850.000	593.092.000	-
Ông Nguyễn Quang Long	Giám đốc	-	-	-	-
Ông Nguyễn Bá Song	Phó Giám đốc	246.766.000	17.053.000	263.964.000	-
Ông Nguyễn Đình Quyền	Phó Giám đốc	244.198.000	15.598.000	257.987.000	-
Ông Trần Đức Ngọc	Phó Giám đốc	152.841.000	-	-	-
Ông Hà Huy Tâm	Kế toán trưởng	-	5.199.000	71.141.000	-
Ông Phạm Trọng Phương	Kế toán trưởng	223.492.000	-	-	-
Tổng cộng		1.975.586.000	106.480.000	1.679.410.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.2.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh số 6.1, Công ty còn có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Nhận tiền thanh toán công nợ	158.344.149.080	141.370.352.543
Chi phí thuê nhà, máy móc thiết bị	2.867.204.386	2.907.263.856
Thanh toán tiền thuê nhà, máy móc thiết bị	3.292.581.841	3.283.609.447
Bù trừ công nợ với Tổng công ty	27.033.600	41.138.400
Bồi thường chậm tàu	18.480.000	122.250.000
Trả cổ tức	925.650.000	1.093.950.000
Trung tâm y tế đường sắt		
Sử dụng dịch vụ khám sức khỏe	126.800.000	131.400.000
Thanh toán kinh phí khám sức khỏe	126.800.000	265.400.000
Ban quản lý dự án Đường sắt Khu vực I - Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam		
Nhận tiền thanh toán công nợ	6.455.009.518	6.976.103.864
Công ty CP Vận tải Đường sắt Hà Nội - CN Toa xe hàng		
Thanh toán công nợ	74.900.000	3.730.193.300
Sử dụng dịch vụ vận chuyển	70.000.000	3.038.542.000
Công ty CP Xe lửa Gia Lâm		
Thuê gia công	77.288.000	62.467.000
Mua vật tư	15.730.000	-
Thanh toán công nợ	-	68.713.700
Công ty CP Đường sắt Hà Thái		
Nhận tiền thanh toán công nợ	256.821.049	259.005.161
Công ty CP đá Đồng Mỏ		
Mua vật tư	1.114.936.700	2.171.353.000
Thanh toán tiền vật tư	2.079.634.500	2.350.000.000
Công ty Cổ phần Đường sắt Hà Hải		
Nhận tiền thanh toán công nợ	256.821.049	256.821.049
Chi nhánh Tổng công ty ĐSVN - XN đầu máy Yên Viên		
Thuê kiểm tra cầu đường bằng máy EM 120	25.479.477	25.479.477
Thanh toán công nợ	28.027.425	28.027.425
Chi nhánh Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam-Ga Đồng Đăng		
Thu tiền công nợ	-	92.714.780
Trường Cao đẳng nghề Đường sắt		
Sử dụng dịch vụ đào tạo	431.000.000	253.325.000
Thanh toán công nợ	253.325.000	164.750.000

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên.

8.3 Báo cáo bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ chủ yếu là hoạt động quản lý bảo dưỡng kết cấu hạ tầng đường sắt và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - CN Phía Bắc. Chỉ tiêu Lãi trên cổ phiếu được trình bày lại, nguyên nhân như đã nêu tại mục 6.9 - Lãi trên cổ phiếu:

TT	Khoản mục	Mã số	Số dư tại BCKiT năm 2020	Số trình bày lại	Chênh lệch
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.423	1.404	(19)
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.423	1.404	(19)

8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Không còn bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.6 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính này.



Nguyễn Quang Long
Giám Đốc

Bắc Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2022

Phạm Trọng Phương
Kế toán trưởng

Đào Thị Minh Hương
Người lập biểu

Số: -22/NQ-ĐHĐCĐ.2022

Bắc Giang, ngày tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 26/4/2021;

Căn cứ nội dung Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng ngày /4/2022 đã được Đại hội thống nhất thông qua.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đường sắt Hà Lạng năm 2022 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua chương trình, Quy chế tổ chức tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
2. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Giám đốc số: /ĐSHL-KHKD ngày / /2022.
3. Thông qua nội dung báo cáo của Hội đồng Quản trị số: /BC-ĐSHL ngày / /2022;
4. Thông qua nội dung báo cáo của Ban Kiểm soát số: /BC-BKS ngày / /2022;
5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc;
6. Thông qua phương án chia cổ tức năm 2021 như sau:

- Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền: (VĐLx11,0%) là: 1.815.000.000 đồng, trong đó:

+ Cổ tức phần vốn Nhà nước	(51%):	925.650.000 đồng
+ Cổ tức cổ đông đại chúng	(49%):	889.350.000 đồng

- Thời gian thực hiện dự kiến: trong quý III/2022; Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án chi tiết chi trả cổ tức;

7. Thông qua phương án trích lập các Quỹ năm 2021, cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư, phát triển: 500.000.000 đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 830.149.808 đồng.

8. Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục, chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ % so với TH 2021
1	Doanh thu:	197.318	193.031	98%
	<i>Trong đó:</i>			
	- Sản xuất chính	138.196	146.214	106%
	- Sản xuất ngoài sản xuất chính	59.122	46.567	79%
	+ Từ chi NSNN (dự án 7000 tỷ):	40.659	19.417	48%
	+ Từ đối tác bên ngoài:	18.463	27.150	147%
	- Doanh thu khác		250	
2	Chi phí:	193.217	189.091	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.101	3.940	96%
4	Lợi nhuận sau thuế (LNST):	3.145	3.150	100%
5	Tỷ suất LNST/VĐL	19,06%	19,09%	100%
6	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	11%	11%	100%

9. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2022 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
	Tổng lợi nhuận sau thuế	LNST	3.150.000.000
1	Chia cổ tức (11%/Vốn điều lệ)	LNST x 57,62%	1.815.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	LNST x 15%	472.500.000
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	LNST x 24%	756.000.000

TT	Chỉ tiêu	Công thức tính	Số tiền (đồng)
4	Quỹ người quản lý công ty	LNST x 3,38%	106.500.000

10. Thông qua Kế hoạch đầu tư (Sử dụng nguồn vốn Chủ sở hữu):

Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục đầu tư	Số lượng	Tổng mức đầu tư (đồng)	Ghi chú
1	Hoán cải goòng vận tải GM-001 thành goòng cầu tự hành (Thay động cơ và lắp đặt mới hệ thống cầu tự hành 5 tấn và đóng mới 01 toa xe goòng)	01 bộ	1.600.000.000	Tăng năng lực vận chuyển vật tư, phụ kiện trên tuyến ĐS
2	Máy cắt ray (động cơ Honda) SXTQ	03 cái	192.000.000	Phục vụ thi công thay, đảo ray
3	Máy khoan ray (động cơ Honda) SXTQ	03 cái	189.000.000	Phục vụ thi công thay, đảo ray
	Tổng cộng		1.981.000.000	

11. Kế hoạch lao động, tiền lương năm 2022.

11.1. Kế hoạch lao động:

Tổng số lao động của Công ty: 712 người;

Trong đó:

Lãnh đạo, viên chức quản lý: 8 người;

Lao động chuyên môn, nghiệp vụ: 45 người;

Lao động trực tiếp SXKD: 634 người;

Lao động thừa hành, phục vụ: 35 người;

11.2. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2022:

Tổng quỹ lương và thu nhập kế hoạch năm 2022 là: 83.675.818.000 đồng; mức thu nhập bình quân toàn công ty dự kiến là: 9.794.000 đồng/người/tháng.

Trong đó:

a/ Kế hoạch tiền lương của người quản lý chuyên trách, thù lao người quản lý không chuyên trách và bộ máy gián tiếp:

- Quỹ lương người quản lý: 2.136.000.000 đồng;

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 24.000.000 đồng;
- Quỹ lương bộ máy gián tiếp: 7.445.818.000 đồng;
- Ăn giữa ca gián tiếp và người quản lý: 286.000.000 đồng;

Tổng cộng : 9.891.818.000 đồng.

b/ Kế hoạch tiền lương của lao động trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp (dự kiến): **63.618.000.000 đồng.**

Trong đó: + *Tiền lương:* 59.856.000.000 đồng;

+ *Ăn giữa ca:* 3.762.000.000 đồng;

c/ Tiền lương ngoài công ích, thu nhập khác: 10.166.000.000 đồng.

Tổng cộng quỹ lương 2022 (gồm cả ăn ca): 83.675.818.000 đồng.

12. Thông qua một số nội dung khác.

TT	Nội dung tham gia	Đơn vị tính	Ý kiến của Người đại diện	Tỷ lệ so với TH Năm 2021
1	Doanh thu SXKD	Tr. đồng	193.031	98%
	<i>Trong đó:</i>			
-	<i>Sản phẩm công ích</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>146.214</i>	<i>106%</i>
-	<i>Sản xuất kinh doanh khác</i>	<i>Tr. đồng</i>	<i>46.817</i>	<i>79%</i>
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	3.940	96%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	3.150	100%
4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	19,09	100%
5	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	11	100%
6	Thu nhập BQ người lao động	Tr. đồng	9,79	108%
7	Chia cổ tức năm 2021	Tr. đồng	1.815	100% KH
8	Quỹ lương + thù lao Người QLDN năm 2022.	Tr. đồng	2.136	105%
9	Quỹ thưởng Người QLDN/Lợi nhuận năm 2022	Tr. đồng	106,5	
10	Kế hoạch đầu tư: (03 đầu mục)	Tr.đồng	1.981	
11	Một số chỉ tiêu khác:			
-	<i>Công lệnh tốc độ chạy tàu và công</i>	<i>Giữ vững Công lệnh tốc độ chạy tàu và công lệnh tải trọng do Tổng công ty ĐSVN</i>		

TT	Nội dung tham gia	Đơn vị tính	Ý kiến của Người đại diện	Tỷ lệ so với TH Năm 2021
	<i>lệnh tải trọng;</i>	<i>công bố</i>		
-	<i>Tỷ lệ xóc lắc trên tuyến Hà Nội - Đồng Đăng so với năm 2021;</i>	<i>Dưới mức chỉ tiêu do Tổng công ty ĐSVN giao năm 2022</i>		
-	<i>Tai nạn đặc biệt nghiêm trọng do chủ quan;</i>	<i>Tuyệt đối không để xảy ra</i>		
-	<i>Tai nạn, sự cố GTĐS ít nghiêm trọng do chủ quan gây ra</i>	<i>Không quá 02 vụ cách nhau trên 06 tháng liên tục.</i>		
12	Kế hoạch lao động, tiền lương	<i>Chi tiết theo văn bản số 175/ĐSHL-TCHC ngày 23/03/2021</i>		
13	Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022	Ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn đơn vị đủ điều kiện theo quy định của Bộ Tài chính		
14	Việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Tổng Công ty ĐSVN (về BDTX và thi công công trình SCĐK) và Công ty Cổ phần Đá Đồng Mỏ (mua bán hàng hóa)	Ủy quyền cho HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2021-2026 biểu quyết chấp thuận		

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Các Quý cổ đông của Công ty;
- UBCK Nhà nước, Sở GDCK Hà Nội;
- Tổng công ty ĐSVN, ĐU Công ty (b/c);
- HĐQT, Ban GD, Ban Kiểm soát;
- CĐ, ĐTN;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Hoàng Đăng Khoa

Mẫu thẻ Biểu quyết:



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2022**

**THẺ BIỂU QUYẾT
TÁN THÀNH**

Tên cổ đông/Đại diện được ủy Quyền:.....

Mã số cổ đông:.....

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền:..... CP



**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT HÀ LẠNG
NĂM 2022**

**THẺ BIỂU QUYẾT
KHÔNG TÁN THÀNH**

Tên cổ đông/Đại diện được ủy Quyền:.....

Mã số cổ đông:.....

Tổng số cổ phần sở hữu và đại diện theo ủy quyền:..... CP